TÒA ÁNNHÂNDÂN **HUYỆNTHẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 398/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 06/7/2018.
V/v: "Ly hôn" giữa anh Lê Minh T và chị Huỳnh Thị D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mứt

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về yêu cầu: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:1230/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Số nhà 94/2 ấp TQ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị D sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: 94/2 ấp TQ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Lê Minh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo nội dung đơn khởi kiện ngày 29/3/2018; bản tự khai ngày 04/6/2018, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ - anh Lê Minh T trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị D cưới nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/11/2010. Trong thời gian sống chung anh T và chị D có 02 người con

chung tên Lê Quốc H, sinh ngày 07/7/2010 và Lê Quốc T, sinh ngày 09/02/2013. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và hiện nay đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, các con chung do anh trực tiếp nuôi dượng. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

Về hôn nhân: Anh T yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị D.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Quốc H, sinh ngày 07/7/2010 và Lê Quốc T, sinh ngày 09/02/2013. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn chị Huỳnh Thị D vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Minh T;

- Về con chung: Anh T trực tiếp nuôi con chung Lê Quốc H, sinh ngày 07/7/2010 và Lê Quốc T, sinh ngày 09/02/2013, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu nên không xem xét.

- Về nợ chung: Anh T trình bày không có nên không xem xét.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Huỳnh Thị D có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại số nhà 94/2 ấp TQ, thị trấn P, Hện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T và chị D.

[3] Anh Lê Minh T và chị Huỳnh Thị D cưới nhau vào năm 2010. Anh T và chị D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre vào năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, anh T và chị D sống chung hạnh phúc. Sau đó, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân. Trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm. Hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình. Từ khi ly thân, hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời, quá trình giải quyết Tòa án thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T thì được địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt. Xác định chị D và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh T là có cơ sở, phù hợp tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình nên

được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét về con chung: Anh T và chị D có 02 con chung là Lê Quốc H, sinh ngày 07/7/2010 và Lê Quốc T, sinh ngày 09/02/2013. Xét thấy, từ lúc chị D và anh T sống ly thân cho đến nay, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Mặt khác, cháu H có nguyện vọng sống với anh T, anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh T.

[5] Xét về tài sản chung: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Lê Minh T. Chấp nhận cho anh Lê Minh T được ly hôn với chị Huỳnh Thị D.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về con chung: Anh Lê Minh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Lê Quốc H, sinh ngày 07/7/2010 và Lê Quốc T, sinh ngày 09/02/2013. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Chị D có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Lê Minh T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016178 ngày 02/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND thị trấn P, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết